

ĐẠI THỪA TU HÀNH BỒ-TÁT HẠNH MÔN CHƯ KINH YẾU TẬP

QUYỂN HẠ

22. Rút ra từ kinh Hư Không Tạng Bồ-tát Sở Vấn (nói rõ một hạnh):

-Bồ-tát tu hạnh do nhận biết bốn mươi lăm loại ma chướng, nên vượt qua bốn ma.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Hư Không Tạng:

-Này Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tu hành có thể hàng phục hết thủy tà ma, có thể vượt qua bốn ma?

Nếu Bồ-tát tu hành dùng trí tuệ nhận thấy tất cả các pháp giống như huyễn hóa thì có thể vượt qua Ấm ma.

Nếu nghe pháp thâm diệu của Phật rồi nường vào văn tự tìm cầu thì có thể vượt qua Uẩn ma.

Nếu tỏ ngộ về thường, lạc, ngã, tịnh thì có thể vượt qua Tử ma.

Nếu không lìa tâm Bồ-đề thì có thể vượt qua Thiên ma.

Như thế là Bồ-tát tu hành này có thể hàng phục tất cả ma chướng.

Sao gọi là Bồ-tát có thể hàng phục phá trừ ma chướng, không bị tà ma nhiễu loạn?

Thiện nam nên biết! Ma chướng gồm có bốn mươi lăm thứ, làm chướng ngại chánh hạnh:

1. Nếu Bồ-tát tu hành tâm thích quả vị Thanh văn. Đó là ma chướng.
2. Không nhớ nghĩ về Bồ-đề. Đó là ma chướng.
3. Đã bố thí mà còn phân biệt. Đó là ma chướng.
4. Cầu sinh chốn cao quý. Đó là ma chướng.
5. Mong muốn thân tướng đoan nghiêm. Đó là ma chướng.
6. Đốc cầu việc thế gian. Đó là ma chướng.
7. Hành thì thiền định chấp vào sự vui thích. Đó là ma chướng.
8. Dùng trí khinh chê những phần công đức nhỏ, ít. Đó là ma chướng.
9. Không thích sinh tử nơi thế gian. Đó là ma chướng.
10. Chỗ tu tập công đức mà không hồi hướng nơi Vô thượng Bồ-đề. Đó là ma chướng.
11. Thấy chán nơi phiền não. Đó là ma chướng.
12. Che giấu chỗ phạm tội không thể sám hối. Đó là ma chướng.
13. Đối với Bồ-tát tu hành khởi tâm ganh ghét. Đó là ma chướng.
14. Phỉ báng Phật pháp. Đó là ma chướng.
15. Lừa dối, làm mê hoặc chúng sinh. Đó là ma chướng.
16. Không tu sáu pháp Ba-la-mật. Đó là ma chướng.
17. Đối với pháp của chư Phật không thích nghe. Đó là ma chướng.
18. Keo kiệt trong khi truyền bá giáo pháp của Phật. Đó là ma chướng.
19. Vì lợi dưỡng nên giảng nói Phật pháp. Đó là ma chướng.
20. Chẳng dùng phương tiện để giáo hóa chúng sinh. Đó là ma chướng.

21. Không thâm nhận chúng sinh. Đó là ma chướng.
22. Đối với người phạm giới tỏ ra ganh ghét, khinh chê. Đó là ma chướng.
23. Đối với người trì giới tinh tấn, tâm không kính trọng. Đó là ma chướng.
24. Tu tập hạnh Thanh văn. Đó là ma chướng.
25. Thuận theo hạnh của hàng Độc giác. Đó là ma chướng.
26. Ý tu đạo nghiệp không đúng thời. Đó là ma chướng.
27. Bỏ đại Từ bi mà cầu Niết-bàn. Đó là ma chướng.
28. Thích tu vô vi. Đó là ma chướng.
29. Nghi ngờ, chê bai pháp hữu vi. Đó là ma chướng.
30. Chẳng hỗ trợ hạnh thiện của chúng sinh. Đó là ma chướng.
31. Ngã mạn cao ngạo. Đó là ma chướng.
32. Nói hai lưỡi, gây tranh chấp. Đó là ma chướng.
33. Đối trá đối với chúng sinh, vọng nói chuyện thị phi. Đó là ma chướng.
34. Dua nịnh, quanh co, nói dối, chỗ thích không chân thật. Đó là ma chướng.
35. Đối với các chúng sinh, tâm không chân thật, ngay thẳng. Đó là ma chướng.
36. Tâm biến đổi hung ác. Đó là ma chướng.
37. Tâm thay đổi thô dữ. Đó là ma chướng.
38. Thấy người tạo tội không khuyên sám hối. Đó là ma chướng.
39. Báng pháp, bất tín. Đó là ma chướng.
40. Tùy theo dục lạc của mình. Đó là ma chướng.
41. Thích làm những việc phi lý. Đó là ma chướng.
42. Ưa thích phi pháp. Đó là ma chướng.
43. Tất cả nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng hiện có trói buộc, tích chứa, không khiến cho tan diệt. Đó là ma chướng.
44. Không trừ bỏ tâm cấu uế. Đó là ma chướng.
45. Cùng duyên với thế tục. Đó là ma chướng.

M

23. Rút ra từ kinh Cảnh Giới Như Lai (nói rõ một hạnh):

-Có các Tỳ-kheo ở nơi trụ xứ của Phật Ca-diếp đã được nghe pháp nên gặp giáo pháp của Đức Như Lai Thích-ca hóa độ. Vào vị lai, nếu có chúng sinh ở trong pháp Phật nghe nói về Đại thừa thì sẽ sinh vào ba hội của Phật Di-lặc.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

-Những Tỳ-kheo ấy đã nói lời chân thật không hư dối. Tu-bồ-đề nên biết! Khi Đức Như Lai Ca-diếp xuất hiện ở đời, các Tỳ-kheo ấy đều theo Phật, nghe pháp. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi do theo Phật, chỗ pháp thâm diệu được nghe ấy không có quên mất, thiện căn, trí tuệ được thành tựu viên mãn. Đời vị lai, trong giáo pháp của ta, nếu có người lãnh hội pháp sâu xa, nghe rồi thì nhớ nghĩ, chúng sinh như vậy đều ở trong số đông nơi ba hội của Phật Di-lặc, tuần tự đều nhập vào, hướng nữa là Bồ-tát tu tập Đại thừa. Nếu có thể tu tập hạnh Đại thừa rồi, thì những người ấy thông đạt pháp nhẫn sâu xa.

M

24. Rút ra từ kinh A-xà-thế Phẩm (nói rõ một hạnh):

-Hiểu rõ về tạng Bồ-tát, tạng Thanh văn và tạng Duyên giác. Lại hiểu rõ về nhân

của Thượng tọa.

Bấy giờ, Bồ-tát Bảo Nhật nói:

–Này thiện nam! Hành nghiệp của Đức Như Lai là chẳng thể nghĩ bàn, đối với pháp Đại thừa không thể xem thường, phải điều phục, học hỏi để ngộ nhập. Nếu Bồ-tát tu hành cho đến trong khi ngủ nghỉ cũng không thích hành nghiệp của hàng Thanh văn, Duyên giác. Nếu là thật tướng của Như Lai thị hiện nơi chúng sinh thì không nên keo kiệt, có thể nghĩ như vậy: “Nguyện cho tất cả chúng sinh đều tu học Đại thừa, nhưng tâm vô đẳng này lại không tổn giảm”. Do chẳng tiếc giáo pháp, nên phải giác ngộ về nghĩa lý sâu xa nơi Đại thừa của Như Lai.

Này thiện nam! Ví như trồng cây, rễ bám sâu xuống đất thì cành lá hoa quả ắt sẽ sum suê, Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy. Đã có thể kiên trì nơi tạng Bồ-tát, nên cũng hiểu rõ hết thấy các thừa. Đó gọi là vô lượng thiện căn pháp khí của tạng Bồ-tát.

Này thiện nam! Sao gọi là Bồ-tát tạng? Nhân nơi gì mà gọi là Bồ-tát tạng?

Ví như trong biển cả có vô lượng giọt nước vô số tạp báu, các chúng Rồng, Dạ-xoa, Kiền-thất-bà, A-tu-la, Kim sí điểu chúa, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, cá Ma-kiệt..., vô lượng đủ các loài đều ở trong đó. Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy. Vô lượng pháp bảo ẩn chứng như Bố thí, Trì giới, Thiền định, Trí tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến đều trụ trong đó. Thế nên gọi là Pháp tạng Bồ-tát. Ví như nơi biển cả, chỗ sinh ra nhiều loài chúng sinh, những loài chúng sinh ấy không thể uống nước nơi những sông khác. Nếu Bồ-tát tu hành, tu tập tạng Bồ-tát rồi, cũng không nên dùng pháp vị nơi thừa khác. Do vậy nên gọi là Pháp tạng của Bồ-tát.

Thiện nam nên biết! Gồm có ba tạng là tạng Thanh văn, tạng Duyên giác và tạng Bồ-tát Đại thừa.

Sao gọi là tạng Thanh văn?

–Là nương theo chỗ thuyết giảng của người khác, nương theo chỗ nghe nơi người khác mà đạt được đạo hạnh.

Sao gọi là tạng Bích-chi-phật?

–Là nương theo sự giác ngộ của chính mình để hội nhập môn diệt định thường, lạc, ngã, tịnh.

Sao gọi là Pháp tạng Bồ-tát?

–Là tỏ ngộ thông đạt về vô lượng pháp của chư Phật, phát khởi tâm Bồ-đề Vô thượng.

Này thiện nam! Nên biết, người theo thừa Thanh văn, Duyên giác không thể đạt được danh vị của ba tạng, chỉ có thể được gọi là ba thừa giáo. Nếu ai nghe vị pháp sư giảng nói về ba thừa giáo, đều tùy theo chỗ nghe mà được Niết-bàn. Do nơi ba thừa đều thọ nhận vâng theo, đủ ba thừa này nên gọi là ba tạng, nhưng chẳng phải là làm rõ nghĩa lý sâu xa của Đại thừa. Nếu Bồ-tát tu hành khi giảng nói pháp dùng pháp nơi ba thừa giáo hóa chúng sinh khiến vào Niết-bàn, thế nên Bồ-tát gọi là tam tạng.

Này thiện nam! Có ba loại học:

1. Học của hàng Thanh văn.
2. Học của hàng Bích-chi-phật.
3. Học của hạnh Bồ-tát.

Sao gọi là học của hàng Thanh văn?

–Là phân biệt khiến tỏ ngộ tự tâm.

Sao là học của hàng Bích-chi-phật?

–Là hành theo trung phẩm, không có tâm bi.

Sao gọi là học của hạnh Bồ-tát?

–Là tùy thuận đại Bi, tự tổ ngộ về trí nên tinh tấn hành thiện. Hàng Thanh văn, Duyên giác không theo hạnh môn của Bồ-tát, cũng không nhận biết về nghĩa. Còn Bồ-tát thì biết rõ về hành môn nghĩa lý của hai thừa, nhưng không nhiếp chấp. Bồ-tát tu tập, thâm tâm thích an trụ, có thể thị hiện ra con đường hướng đến giải thoát của Thanh văn, Bích-chi-phật mà không nhập vào quả vị đó.

Này thiện nam! Nếu Bồ-tát tu hành học hỏi như vậy, đó gọi là tạng Bồ-tát thừa.

Bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đáp y, cầm bát, nói với Trưởng lão Ca-diếp:

–Nhân giả nên đi trước, chúng tôi theo sau. Vì sao? Vì như Trưởng lão Tu-bồ-đề được Đức Như Lai ngày trước độ xuất gia đã lâu, các vị tuổi đời, hạ lạc đều tôn quý. Trưởng lão từ ngày trước ấy phát nguyện: Nay tôi được độ để xuất gia, là nương và thế gian và các bậc A-la-hán. Này Trưởng lão Ca-diếp! Nhân giả nên đi trước, chúng tôi theo sau.

Lúc đó, Trưởng lão Tu-bồ-đề thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Ở trong pháp của Phật không nên cho tuổi già là trên trước, sống lâu là trên trước. Vì sao? Bồ-tát Văn-thù nên biết, ở trong pháp của Phật, trí tuệ là trên hết. Trí tuệ trên hết nên sở học cũng là trên, oai đức cũng là trên, những giáo pháp thâm diệu cũng là trên. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Trí tuệ của Bồ-tát là trên, giáo pháp là trên, oai đức vô ngại, quán khắp căn tánh thiện, ác của tất cả chúng sinh, tri kiến luôn sáng tỏ. Vì thế nên biết, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là tối tôn, tối thượng, Nhân giả nên đi trước, chúng tôi theo sau.

M

25. Rút ra từ kinh Ly Cấu Bồ-tát Sở Vấn (nói rõ một hạnh):

–Các Bồ-tát từ trong hư không đi xuống. Thuở xưa người nữ do phát nguyện Bồ-đề, nên hiện chuyển thân thành nam tử.

Bấy giờ, Đức Phật bảo phu nhân Tịnh Quang:

–Phu nhân nên biết! Nếu có người nữ, dùng một hạnh, mau có thể lìa bỏ thân người nữ, thọ thân trượng phu. Một hạnh là gì? Là ý nguyện kiên cố, phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Vì sao? Phu nhân nên biết, tâm Bồ-đề là đại trượng phu, là đại nam tử, chẳng phải là tâm bình thường, nên có thể xa lìa hạnh A-la-hán, hàng phục, bẻ gãy tất cả các thứ quân ma, ngoại đạo, ở trong ba cõi là bậc vô thượng đoạn trừ hết các phiền não, tập khí. Nếu có người nữ chánh niệm, quy y Phật, khởi tâm Bồ-đề, thì không còn trở lại thọ thân người nữ, tâm thanh tịnh nên thân người nữ này trở lại chuyển thành thân nam, căn lành như vậy là hồi hướng cho tất cả người nữ. Vì hồi hướng, ban cho công đức ấy, nên cũng đều hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Phu nhân nên biết! Do một hạnh nguyện ấy nên mau chóng lìa thân nữ chuyển thành thân nam.

Lúc đó, từ trong hư không thuộc pháp hội này có các Bồ-tát cùng đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát chân rồi lui ra ngồi một bên. Thuở xưa, các vị Bồ-tát này đều là người nữ, hiện đã chuyển thành thân nam. Lúc này, các vị Bồ-tát ấy ở trong chúng

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

hội, thấy các người chồng từ thuở trước nay đều là người xuất gia nên cùng an ủi:

–Các ông là Thiện tri thức của chúng tôi, nên mau phát tâm Bồ-đề vô thượng. Chư Phật ra đời khó có thể gặp, tu tập nhân công đức tạo, duyên hội họp này là rất khó. Nếu đối với chúng sinh khởi đại Từ bi, phát khởi tâm Bồ-đề vô thượng thì có thể thành tựu viên mãn, cúng dường hết thảy chư Phật đời quá khứ, hiện tại và vị lai.

Khi các vị Bồ-tát nói lời ấy rồi, các Tỳ-kheo kia thưa các Bồ-tát:

–Hay thay! Đại trượng phu! Các vị đối với chúng tôi là Thiện tri thức, cứu độ tất cả chúng sinh, nay còn khuyên chúng tôi phát tâm vô thượng. Chúng tôi do lời khuyên của các vị nên khéo suy nghĩ, quy y hết thảy chư Phật. Chúng tôi nguyện vào đời vị lai thành tựu quả vị Đăng chánh giác, đều như Đức Thích-ca Mâu-ni.

Chư vị Đại Bồ-tát và các Bồ-tát tu hành bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xin Phật Từ bi độ chúng con được xuất gia.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Bồ-tát Di-lặc! Hãy độ cho những thiện nam này được xuất gia.

Bồ-tát Di-lặc nói:

–Như Phật đã dạy, con xin độ hết.

M

26. Rút ra từ kinh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Giải Nghĩa (nói rõ một hạnh):.

-Bồ-tát tu hành tu tập hai loại hạnh, đạt được mười thứ căn lành lợi ích.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát tu hành do hai loại hạnh tương ứng nên không thoát khỏi nơi nguyên lành, tùy theo nguyện, vãng sinh đến cõi của chư Phật, không còn chướng ngại. Những gì là hai hạnh?

Nếu Bồ-tát tu hành không thích hành nghiệp của hàng Thanh văn, cũng không học tập, qua lại, không nói xen lẫn giáo pháp của bậc Thanh văn, cũng không khuyến hóa chúng sinh khiến vào trong pháp của Thanh văn và Duyên giác, chuyên vì Bồ-đề vô thượng để khuyến hóa chúng sinh tu học, thành tựu Thánh đức của Như Lai.

Nếu Bồ-tát tu hành khuyến hóa chúng sinh, khiến vào nơi Phật thừa thì đạt được mười loại lợi ích. Những gì là mười?

1. Xa lìa hàng Thanh văn, Duyên giác, cho đến thành Phật, du hóa nơi các cõi.
2. Gặp pháp của Bồ-tát thanh tịnh thì tập hợp lại.
3. Thành Phật rồi, được chư Phật thọ trì, hộ trì.
4. Tiếng tăm vang khắp mười phương, trong pháp hội của chư Phật đều tán dương.
5. Phát khởi tâm tối thắng, vì diệu không gì sánh kịp.
6. Chỉ thọ thân của Phạm thiên, Đế Thích.
7. Nếu sinh trong loài người, được ngôi vị Chuyển luân vương.
8. Thường được gặp chư Phật, Như Lai.
9. Được hàng trời người cung kính.
10. Tích tập vô lượng công đức thiện căn.

Này Xá-lợi-phất! Nếu chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều được khuyến hội nhập vào quả vị La-hán và Bích-chi-phật. Nếu lại có người, chỉ khuyến một thiện nam, thiện nữ khiến an trụ vào quả vị Phật, thì công đức của người này nhiều hơn người trước kia. Vì sao? Xá-lợi-phất nên biết! Chủng tánh của Phật không phải do Thanh văn, Duyên giác phát khởi mà có thể bị đoạn tuyệt. Nếu Đức Như Lai không xuất hiện ở đời thì hàng Thanh văn, Duyên giác không có. Nếu chủng tánh của Phật không dứt thì Đức Phật xuất hiện ở đời, hàng Thanh văn, Duyên giác mới xuất hiện. Bồ-tát tu hành ở trong quả vị của Phật an lập cho người khác, nên được mười loại thiện lợi này. Vì thế, hai loại công đức tương ứng nên chẳng lìa hạnh nguyện, tùy theo nguyện, vãng sinh nơi các cõi.

M

27. Rút ra từ kinh Quang Minh Biến Chiếu Phẩm (nói rõ một hạnh):

-So sánh về phước lực của Bồ-tát và Thanh văn.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Tỳ-lô-giá-na Nguyễn Quang Minh:

–Ví như hai bên bờ sông Hằng có vô lượng trăm ngàn ngọc quý, bị đói khát bức bách, lửa hình lộ thể, dùng lửa cháy làm áo, thịt nơi thân luôn bị thiêu đốt, hình tướng khô gầy. Lại có các thứ điều hâu, quạ, bồ câu bay vòng quanh, tranh nhau ăn thịt, cùng những thú dữ, chó sói giành giật bắt lấy. Do tội của ngọc quý nên chúng chẳng thấy sông Hằng. Ví như có chỗ thấy thì nước kia khô cạn, hoặc thấy là tro. Vì sao? Vì do các tội chướng nên chịu các khổ não nói không thể hết. Hàng đệ tử là Thanh văn, tuy cùng ở

trong rừng Thệ-đa nhưng chẳng thấy thần lực quảng đại của Như Lai, chẳng nghe Đức Phật giảng nói về Bồ-tát tập hội, so sánh về pháp nghĩa. Vì sao? Vì mắt kia đã bị màng vô minh che lấp, chẳng từng gieo trồng các căn lành của quả vị Nhất thiết trí.

Này thiện nam! Ví như có người ở trong đại hội, đang ngủ say bỗng chốc mộng thấy nơi đỉnh núi Tu-di, chỗ ở của Đấng Thích với thành lớn Thiện kiến, các cung điện, vườn rừng... tất cả đều trang nghiêm đẹp đẽ, trăm ngàn vạn ức Thiên tử, Thiên nữ, tung rải nhiều hoa trời biến khắp trên mặt đất đó. Vô số các cây y phục tạo ra y phục vi diệu, vô số các cây hoa nở ra hoa vi diệu, vô số các cây âm nhạc tấu lên nhạc trời. Các thể nữ cõi trời ca hát rất hay, vô số chư Thiên đều ở trong các chốn đó vui chơi. Người kia tự thấy mình mặc y phục trời trụ dừng nơi khắp tất cả mọi xứ. Khi ấy, tất cả mọi người trong chúng hội, tuy cùng ở một chỗ mà chẳng biết, chẳng thấy. Vì sao? Vì ở đây là người nằm mộng thấy, chẳng phải là chỗ có thể nhận thấy của đại chúng kia. Hết thấy Bồ-tát và các vị vua ở thế gian, cũng lại như vậy. Do từ lâu tích tập diệu lực nơi căn lành, nên phát nguyện rộng lớn về Nhất thiết trí tu học công đức của tất cả chư Phật.

Bồ-tát tu hành trang nghiêm đạo pháp, làm viên mãn pháp của trí Nhất thiết trí, hành trì đầy đủ các hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền, hưởng đến quả vị trí tuệ của tất cả Bồ-tát, hiển bày diệu dụng nơi các Tam-muội của Bồ-tát, đã có thể quan sát về cảnh giới trí tuệ của hết thấy Bồ-tát không bị chướng ngại. Thế nên, đều thấy Thánh đức thần biến tự tại chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai. Tất cả hàng Thanh văn nơi các đại đệ tử không thể thấy biết, vì không có mắt thanh tịnh của các Bồ-tát. Ví như Tỳ-kheo tâm được tự tại, nhập định diệt tận, sáu căn tạo nghiệp đều dừng lại, tất cả lời nói đều chẳng rõ, chẳng biết, nhờ định lực giữ gìn nên chẳng Bát-biết-bàn, do ở trong định nên không hiểu các pháp thế gian. Tất cả hàng Thanh văn cũng lại như vậy. Những vị đại Tỳ-kheo ấy cùng ở trong rừng Thệ-đa, sáu căn đầy đủ, lại chẳng thấy Thánh đức thần biến của Như Lai, chẳng thấy Bồ-tát tụ hội so sánh về pháp nghĩa. Vì sao? Vì chư Phật, Như Lai và Đại Bồ-tát có diệu lực tự tại sâu xa, nên hiếm thấy, khó gặp, công đức thiện căn của ở đời quá khứ thanh tịnh không xen tạp. Nếu là Thanh văn, Duyên giác thì không dự được phần này. Vì thế các Tỳ-kheo, tuy ở tại rừng Thệ-đa, dưới chân Như Lai mà chẳng thấy Thánh đức thần biến của Như Lai, cũng chẳng thấy Bồ-tát tụ hội so sánh về pháp nghĩa, do không tương ứng với trụ nơi quả vị Bồ-đề vô thượng.

M

28. Rút ra từ kinh Xuất Sinh Bồ-đề (nói rõ một hạnh):

-Nói về ba loại Phật địa.

-Giải thích về chỗ cao thấp của ba thừa.

Bấy giờ, Bà-la-môn Ca-diếp Ngao-đát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người đã phát tâm Bồ-đề rồi còn có thoái thất không?

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

–Nếu đã phát tâm Bồ-đề rồi thì không thoái thất. Vì sao? Bà-la-môn nên biết, có ba loại Bồ-đề:

1. Bồ-đề của Thanh văn.

2. Bồ-đề của Duyên giác.

3. Bồ-đề vô thượng của chư Phật.

Sao gọi là Bồ-đề của Thanh văn?

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Nếu có thiện nam, thiện nữ ở trong hàng của Thanh văn, tuy phát tâm Bồ-đề cũng chẳng khuyến hóa, an lập cho chúng sinh khiến họ phát tâm Bồ-đề, cũng không hiển thị nghĩa lý sâu xa của Đại thừa, không kính người thực hành pháp Đại thừa, không cùng tu học, cũng không cúng dường, nếu thấy người đến chẳng đón, chẳng vui. Do hạnh này nên chỉ một mình giải thoát. Đó gọi là Bồ-đề của Thanh văn.

Lại nữa, này Bà-la-môn! Sao gọi là Bồ-đề của Duyên giác?

Nếu có thiện nam, thiện nữ ở trong hàng của Duyên giác, tuy tự mình đã phát tâm Bồ-đề, nhưng không khuyên chúng sinh khiến họ phát tâm Bồ-đề, không tu học giáo pháp Đại thừa sâu xa, cũng không chỉ dạy trao truyền cho người khác, không kính trọng người hành Đại thừa, không cùng học tập, cũng không cúng dường, nếu thấy người đến thì chẳng đón, chẳng vui. Do hạnh này nên chỉ một mình giải thoát. Đó gọi là Bồ-đề của Duyên giác.

Lại nữa, này Bà-la-môn! Sao gọi là Bồ-đề vô thượng?

Nếu có thiện nam, thiện nữ tự mình phát tâm Bồ-đề rồi, lại khuyên các chúng sinh cùng phát tâm Bồ-đề, điều phục an lập tu học pháp nghĩa của Đại thừa, vì người khác diễn nói rộng. Nếu thấy người hành Đại thừa thì hoan hỷ nghênh đón. Bà-la-môn nên biết! Những người ấy giải thoát cho các người khác, rồi an lập nơi hàng trời người, làm lợi ích thế gian. Đó là Bồ-đề của Đại thừa vô thượng.

Vì sao gọi là Bồ-đề vô thượng? Vì ở trong ba cõi tất cả đã làm xong lại về chỗ cầu đạt là vô thượng. Thế nên gọi là Bồ-đề vô thượng.

Khi ấy, Bà-la-môn Ca-diếp Ngao-đát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giải thoát của giải thoát có hai nghĩa chẳng?

Phật nói:

–Giải thoát của giải thoát nghĩa không có khác. Lại nói đạo cùng với đạo nghĩa cũng không hai, vì người ở trong ba thừa nên có phân biệt.

Bà-la-môn nên biết! Ví như đi đường có ba loại xe: thứ nhất là xe voi, thứ hai là xe ngựa, thứ ba là xe lừa. Ba loại xe này tuần tự cùng đi vào cửa thành.

Này Bà-la-môn! Ý ông thế nào? Ba cỗ xe ấy có cao thấp không?

Bà-la-môn thưa:

–Có cao thấp, thưa Thế Tôn!

Phật nói:

–Như ba thừa: thừa Thanh văn, thừa Duyên giác và Phật thừa vô thượng có cao thấp cũng lại như thế. Do vậy, đạo cùng với giải thoát không có cao thấp.

Này Bà-la-môn! Ví như ba người cùng vượt qua sông Hằng, đến bờ bên kia. Một người qua được nhờ bè cỏ nổi, một người qua được nhờ phao nổi, còn người thứ ba thì tạo thuyền lớn, cùng với trăm ngàn chúng sinh qua được đến bờ bên kia. Sau đó giao cho người con trưởng trông coi thuyền ấy, dặn bảo: “Người đến đều phải chuyên chở đưa họ qua sông đến bờ bên kia.”

Người thứ ba đó tự mình đến bờ bên kia, lại có thể cứu giúp chúng sinh trong một nước.

Này Bà-la-môn! Ý ông thế nào? Chỗ đưa qua sông của ba người cùng lợi ích chẳng?

Bà-la-môn thưa:

–Dạ không, thưa Thế Tôn!

Phật bảo:

–Này Bà-la-môn! Ý ông thế nào? Lợi ích của ba thừa có cao thấp không?

Bà-la-môn thưa:

–Có cao thấp, thưa Thế Tôn!

Phật bảo:

–Bà-la-môn nên biết! Thừa Thanh văn, thừa Duyên giác và thừa Vô thượng Phật, chỗ lợi ích có cao thấp, chẳng giống nhau.

M

29. Rút ra từ kinh Bảo Tụ (nói rõ một hạnh):

–Mới phát tâm Bồ-đề, so sánh với Thanh văn, La-hán cùng Bồ-tát tu hành về số lượng cao thấp, bất đồng.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Nếu chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới này đều chứng đắc quả A-la-hán. Lại có chúng sinh nơi tam thiên đại thiên thế giới đều được thành Phật, đối trước chư Phật này đều đặt một vị La-hán, mỗi mỗi vị ấy đều cúng dường các Đức Như Lai kia, hoặc trải qua một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, cho đến trải qua hằng hà sa kiếp. Này Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Huống nữa là cúng dường vô lượng vô viên các Đức Như Lai, thì phước đó là rất nhiều, nói không thể hết.

Phật nói:

–Nếu có vô lượng vị A-la-hán như vậy, cúng dường vô lượng chư Phật như thế. Lại có người mới phát tâm Bồ-đề thì công đức của người ấy nhiều hơn công đức nơi số A-la-hán kia, huống nữa là do Bồ-đề không bị đoạn mất, nên cúng dường chư Phật và các đệ tử, Sư tăng, Hòa thượng, Thiện tri thức... cả đến bố thí một nắm cơm cho loài súc sinh, so công đức đó với công đức cúng dường của các vị A-la-hán thì trăm phần, ngàn phần không bằng cúng dường một người mới tu tập tâm Bồ-đề.

M

30. Rút ra từ kinh Na-la-diên Phẩm (nói rõ một hạnh):

–Bồ-tát tu hành trụ nơi bốn thứ Trụ địa, tu tập bốn thứ Hành.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Na-la-diên:

–Bồ-tát Na-la-diên nên biết! Ví như ngọc báu Phệ-lưu-ly, nếu đặt nó trong đồ đựng các vật xen tạp thì ánh sáng vốn có của ngọc báu lưu ly chẳng mất. Na-la-diên nên biết! Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy, chỗ trụ trong Tam-muội, dù là y phục thế gian cũng gọi là xuất gia, không lìa đạo hạnh của pháp giới.

Khi Đức Phật nói lời này rồi, Bồ-tát Na-la-diên thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát trụ nơi địa nào mà không bị tổn giảm, tích tập công đức của các Tam-muội đạt được hành trang của trí tuệ vô tận?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Bồ-tát Na-la-diên:

–Bồ-tát có bốn loại trụ địa. Những gì là bốn?

1. Đối với thân mạng không hề tiếc lẫn.
 2. Không thích danh tiếng, lợi dưỡng.
 3. Không thích mọi hoan lạc cho mình.
 4. Không nguyện thọ sinh mọi dục lạc của chư Thiên.
- Đó là bốn loại trụ địa.

M

31. Rút ra từ kinh Tập Nhất Thiết Công Đức (nói rõ một hạnh):

-Bồ-tát vì các chúng sinh nên không lìa ba cõi.

Bấy giờ, lại có Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như nhiều người đều phạm tội hình, đến giờ hành quyết lại có một người đến giải thoát cho họ khỏi bị chết. Sau, người này trở lại, đến chỗ đao phủ bảo: “Ông hãy cầm dao giết tôi đi, giết tôi đi!”

Bạch Thế Tôn! Đó là ba cõi không khác với nơi chốn của pháp nhân. Hàng phàm phu ngu độn cũng như người phạm tội chết, Bồ-tát giải thoát cho thế gian, rồi trở lại tạo mọi đầy đủ cho các chúng sinh, như người phạm tội hình được thoát khỏi, rồi lại đi đến chỗ tử hình. Bồ-tát cũng lại như vậy, chẳng hề lìa ba cõi. Vì thế, chư Phật Như Lai đại Từ, đại Bi tương ứng với tâm Bồ-đề, nên Bồ-tát tu hành, vượt qua tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác. Vì sao? Vì hàng Thanh văn, Duyên giác không có tâm đại Bi ấy, cũng không có phương tiện thiện xảo.

M

32. Rút ra từ kinh Mật Nghiêm (nói rõ một hạnh):

-Hiện bày việc so sánh hạnh môn của Thanh văn và Bồ-tát.

Nếu có Bồ-tát, đối với các pháp, khéo dùng phương tiện thiện xảo để hiểu sâu xa pháp nghĩa thì sẽ đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu thành tựu Đẳng chánh giác rồi thì hiển dương chánh pháp. Nếu thấy năm ấm lìa nơi tự thân, quán thể tánh của các pháp là không có nhân, ngã, cũng không có chỗ động. Đây là giải thoát của hàng Thanh văn.

Nếu Bồ-tát tu hành nơi tất cả pháp hạnh, quán nơi hai biên, xa lìa mọi biên vực thì những vị ấy mau chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác. Nếu thấy rõ về biên vực nơi dục lạc rồi, thì đối với các chúng sinh không có tâm Từ bi, lìa bỏ duyên thế gian. Người như vậy, thành Phật rất là khó. Vui thay, trí tuệ của Như Lai, khiến các chúng sinh đạt được an lạc! Ví như hoa sen, tuy mọc lên ở nơi bùn dơ, nhưng rất thanh tịnh, tuy sinh ở chỗ bùn nhơ, mà sinh ra là để cúng dường chư Phật, Thánh hiền. Bồ-tát cũng lại như vậy, sinh ở chốn bùn nhơ là ba cõi, nếu thành Phật rồi thì được chư Thiên tán thán. Nếu Bồ-tát tu hành sinh trở lại ở thế gian thì sẽ được ngôi vị Chuyển luân vương thống lãnh bốn cõi thiên hạ. Nếu sinh lên trời thì tự làm Thiên chủ vua Càn-thát-bà. Vì không đoan mất mà tương ứng với pháp Đại thừa nên chỗ sinh ra thường nhận được ngôi vị tối thắng hơn hết. Thế nên, Bồ-tát tu hành phải thấu giữ pháp Đại thừa, sẽ được ngôi vị thù thắng, rốt ráo thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

M

33. Rút ra từ kinh Phạm Sát (nói rõ một hạnh):

-Bồ-tát tu hành phát đại hạnh nguyện nhẫn nhục.

Khi ấy, Đức Phật nói:

–Bồ-tát mới tu hành phải nên luôn phát hạnh nguyện tương ứng với phát Bồ-đề vô thượng, làm khô cạn mọi thứ khổ não của chúng sinh, vì phát đại thế nguyện với tâm nhẫn nhục, nên tạo thành tựu đầy đủ cho các chúng sinh, nguyện cho đất nơi tam thiên

đại thiên thế giới đều bằng Kim cang, thân ta phân tán ở trên đất đó. Ví như cỏ lau, cây mía, hoặc như mầm lúa, nhiều thân như vậy, đều chịu pháp khổ vui của thế gian, luôn nương nơi tất cả chúng sinh, biến làm sức mạnh của Na-la-diên, dùng sức mạnh đó, nên nguyện đối với thân ta sinh nhiều sân giận, ganh ghét, đều cầm chày Kim cang đem ngày ba thời nghiền nát thân ta, giống như thuốc An-thiện-na nhân nghiền nát rồi lại sinh, dựa theo như trước, không bỏ. Đối với những chúng sinh này, tâm ta không hiềm oán, ta nguyện chịu thay khổ ách này cho tất cả chúng sinh, không có gián đoạn, khiến xa lìa hết các khổ phiền não, không thoái chuyển nơi đạo quả Vô thượng Bồ-đề, không vào đạo quả của Thanh văn, Duyên giác, ta nguyện thành tựu quả vị Đẳng chánh giác để độ thoát tất cả chúng sinh.

M

34. Rút ra từ kinh Nhất Thiết Chư Phật Sở Niệm (nói rõ một hạnh):

-Bồ-tát tu hành nhẫn nhục, thận trọng nơi ba nghiệp thân, khẩu, ý chẳng phạm trở lại.

Bấy giờ, Bồ-tát Thiện Đẳng Quán bạch Phật:

-Bạch Thế Tôn! Như thế nào là Bồ-tát tu hành trụ nơi hạnh môn nhẫn nhục, hổ thẹn?

Phật nói:

-Nếu Bồ-tát tu hành, do thân hành ác thì tự mình thận trọng hổ thẹn, do khẩu hành ác thì tự mình thận trọng hổ thẹn, do ý hành ác thì tự mình thận trọng hổ thẹn. Cùng với hàng Thanh văn, Duyên giác đàm luận hạnh ác thì tự mình thận trọng hổ thẹn.

Này thiện nam! Đó là nơi chốn hổ thẹn của Bồ-tát tu hành. Nếu có thể thận trọng hiểu biết rõ thì đạt đến quả vị Bồ-đề vô thượng.

M

35. Rút ra từ kinh Phát Tập (nói rõ một hạnh):

-Bồ-tát tu hành tu trì mười loại giới hạnh, lại có mười loại giới hạnh khác.

Bấy giờ Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Vô Sở Phát:

-Này thiện nam! Ý ông thế nào? Sao gọi là Bồ-tát tu hành nói lời chân thật? Bồ-tát nếu đã phát tâm Bồ-đề rồi thì thà bỏ thân mạng chứ không bỏ Bồ-đề, đối với các chúng sinh chẳng hành phi pháp, đó là không vọng ngữ. Nếu Bồ-tát tu hành phát tâm Bồ-đề vô thượng rồi, sau lại trái với chí nguyện trước, nói lời sai trái, khinh đối, tức là Bồ-tát tu hành thoái thất Bồ-đề.

Lại nữa, Bồ-tát tu hành sao gọi là niệm hành trì giới?

1. Thích nghe pháp Phật, thành tựu viên mãn được bốn Tâm vô lượng. Đó là niệm hành trì giới.

2. Chí cầu pháp Phật, thành tựu viên mãn được tâm khiêm tốn. Đó là giới.

3. Cúng dường Thiện tri thức, thành tựu viên mãn được các thứ kỹ nghệ không khuyết. Đó là giới.

4. Tu tập các hạnh Ba-la-mật, thành tựu viên mãn được trí Phật. Đó là giới.

5. Nghe kinh điển, vì người khác mà giảng nói, thành tựu viên mãn nên có thể rộng nói kinh điển Đại thừa. Đó là giới.

6. Thường nhớ nghĩ về pháp Phật, thành tựu viên mãn oai lực tổng trì sáng suốt. Đó là giới.

7. Chuyên tu Bồ-đề, thành tựu viên mãn việc diệt trừ các tội chướng. Đó là giới.

8. Không ganh ghét chúng sinh vì thế nên không mất Bồ-đề. Đó là giới.

9. Không thoái chuyển Bồ-đề, là không mất giới, Tam bảo hiện tiền.

10. Niệm giới như như, quán xét tất cả, không khuyết.

Này thiện nam! Bồ-tát tu hành thường phải nên dùng tâm niệm về giới thiện như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát tu hành có mười loại tâm Giới Bồ-đề:

1. Vì cầu lợi ích cho tất cả chúng sinh, không phải vì lợi ích của riêng mình.

2. Đạo nghiệp đã tu tập hồi hướng cho chúng sinh, nguyện mau chóng thành Phật, không phải chuyên vì riêng mình.

3. Dùng hạnh kiên cố lợi tha làm sự nghiệp, cũng không phải vì mình.

4. Giới hạnh thanh tịnh, Bồ-đề tăng trưởng, trải qua nhiều kiếp nhẫn nhục, không có mệt mỏi.

5. Bố thí là giới, cho đến có thể xả bỏ đầu, mắt, tủy, não... để làm lợi ích cho chúng sinh.

6. Trì giới là giới, Bồ-tát cũng không lìa bỏ các chúng sinh không giữ giới.

7. Nhẫn nhục là giới, Bồ-tát không sợ tất cả quân ma.

8. Tinh tấn là giới, vì chúng sinh nên tích tập Phật đạo, không hề mệt mỏi.

9. Thiên định là giới, Bồ-tát dù bị các âm thanh làm não loạn, tâm định cũng không lay động.

10. Trí tuệ là giới, Bồ-tát thấy các pháp thế gian tướng đồng với tướng không của Bồ-đề là giới. Bồ-tát không nhiễm thế gian, Từ bi là giới, không vào Niết-bàn, đó là pháp tập.

M

36. Rút ra từ kinh A-sai-da-mạt Sở Vấn (nói rõ một hạnh):

-Bồ-tát tu hành giới hạnh vô tận, người thực hành giới năng lực có tận.

Bấy giờ, Bồ-tát A-sai-da-mạt nói với Xá-lợi-phất:

-Bồ-tát tu hành trì giới vô tận. Xá-lợi-phất nên biết! Tương tục, không đoạn kiến.

Vì sao hàng phàm phu trì giới được sinh lên cõi thiện, giới lực diệt hết?

Nhân gian trì giới mười thiện, thọ rồi thì giới lực diệt hết?

Nếu giới nơi sáu cõi trời thuộc Dục giới với công đức quả báo hết thì giới lực diệt hết.

Nếu giới nơi các cõi trời Tứ thiên sắc giới diệt thì giới lực diệt hết.

Nếu giới của bốn Tam-ma-bát-đế ở cõi Vô sắc diệt thì giới lực diệt hết.

Nếu giới của Tiên nhân đạt ngũ thông mất thì giới lực của ngũ thông cũng diệt hết.

Nếu giới của tất cả hàng Thanh văn nhập vào Niết-bàn thì giới lực cũng diệt hết.

Nếu giới của Bích-chi-phật không có đại Bi thì giới lực bị diệt hết.

Xá-lợi-phất nên biết! Giới hạnh của Đại Bồ-tát là vô tận. Vì sao? Vì tất cả giới tịnh đều nhân nơi giới của Bồ-tát, thâm giữ để hiện tiền. Ví như hạt giống dần dần tạo được nhiều lợi ích, vô tận.

Xá-lợi-phất nên biết! Tâm Bồ-đề cũng như hạt giống, giới hạnh của chư Phật, Như Lai là vô tận, bậc Đại tướng phu ấy gọi là giới hạnh vô tận.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát tu hành ấy trì giới, nên giới hạnh là vô tận.

M

37. Rút ra từ kinh Tập Hội Phẩm (nói rõ một hạnh):

-Bồ-tát tu hành ở trong ba thừa, thấu rõ khắp các phương tiện thiện xảo.

Sao gọi là Bồ-tát tu hành ở trong tất cả các thừa đều dùng phương tiện thiện xảo?
Gồm có pháp ba thừa để đạt được giải thoát. Những gì là ba?

1. Thừa Thanh văn.
2. Thừa Duyên giác.
3. Đại thừa.

Lại có hai thừa là: Thiên thừa và Nhân thừa.

Nơi ba thừa kia, sao gọi là Bồ-tát tu hành ở trong thừa Thanh văn mà có phương tiện thiện xảo?

Nếu Đức Phật không xuất hiện ở đời thì thừa Thanh văn không thành tựu. Vì sao?
Vì nương theo người khác để nghe pháp, nên hiện ra Thanh văn.

Sao gọi là nghe pháp, trì giới, nhẫn nhục tích tập viên mãn?

Nếu tích tập giới viên mãn thì có thể tích tập thiền định viên mãn.

Nếu tích tập định viên mãn thì có thể tích tập trí tuệ viên mãn.

Nếu tích tập tuệ viên mãn thì có thể tích tập giải thoát được viên mãn.

Nếu tích tập giải thoát viên mãn thì có thể tích tập giải thoát tri kiến được viên mãn.

Theo các phương tiện như vậy, đó là phương tiện thiện xảo của Thanh văn. Thanh văn lại có phương tiện thiện xảo nơi phước đức bất động, các pháp không thuận hợp. Ở trong ba cõi sinh chán lìa, tất cả các hành vô thường, chán lìa phiền não, tất cả các pháp vô ngã, nên chuyên cầu Niết-bàn tịch diệt, cho đến trong trong từng sát-na chẳng cầu sinh tử nơi thế gian, luôn sợ vô thường, năm ấm, các hành không có tướng, nên dụ năm căn như tướng măng xà, mười hai nhân duyên như xóm làng trống vắng, tâm không ưa thích tất cả sinh tử.

Hiển bày pháp ấy rồi, Bồ-tát tu hành tức nhận biết phương tiện thiện xảo trong thừa Thanh văn.

Sao gọi là Bồ-tát tu hành ở trong thừa Duyên giác mà có phương tiện thiện xảo? Do nhân duyên gì, Duyên giác được xuất hiện ở đời? Bồ-tát tu hành nên biết duyên khởi ấy là gì? Gia hạnh thích tu tinh tấn, thiền định, không trụ nơi chỗ tích tập hành trang công đức. Không trụ ở chỗ tích tập hành trang trì giới, nghe pháp một phần ít để tu tập; cũng không thân cận, cúng dường chư Phật, trí bậc trung ấy thường là xuất gia, tâm thấp kém nên tu tập ít dùng công lực, không thích lường xét về pháp tập, thích an trụ một mình nơi chốn vắng lặng, dốc cầu, khó nhập vào ngôi vị đại quán đảnh, thích đi khát thực, luôn nghĩ về pháp thường, lạc, ngã, tịnh, ra khỏi ba cõi, tìm cầu Niết-bàn, nên tự trí mình ngộ nhập vào định. Thích tu Tam-muội, chẳng phải nhờ người khai mà tự ngộ, dùng trí để tỏ ngộ rõ về chỗ dấy khởi nơi biên vực nhân duyên của tất cả các hành. Khi rõ pháp này rồi, Bồ-tát tu hành tức nhận biết phương tiện thiện xảo trong thừa Duyên giác.

Sao gọi là Bồ-tát tu hành ở trong Đại thừa dùng phương tiện thiện xảo?

Nếu hành Đại thừa thì phương tiện là vô lượng vô biên, nay ta chỉ lược nói. Công lực của thừa này, làm vì tất cả chúng sinh, khiến họ nhập vào thừa ấy, tích tập thiện căn làm hành trang của công đức, vì các chúng sinh thanh tịnh thấu nhận các Ba-la-mật, khiến nhập vào tất cả pháp. Do hành trì Phật đạo không gián đoạn, nên thừa này là vô ngại, ánh sáng chiếu khắp. Nếu tất cả chúng sinh của Đại thừa này đều là Khất sĩ, thì vượt hơn tất cả, không sợ đường tà. Thừa này là Thánh đức của Như Lai, thường ở trước mặt, có thể hàng phục tất cả tạp hạnh của các thứ tà ma, ngoại đạo, lại được hạnh thiện của Như Lai hỗ trợ, như lá cờ báu hiện rõ nơi cây không có gián đoạn. Thừa này có thể trừ diệt vọng tưởng chấp giữ về vô tướng, vô thường, kết sử, nghi hoặc, nhị biên trong ba cõi, đều có thể trừ đoạn về chỗ thủ đắc nơi thừa Như Lai, Phật là không chướng ngại. Thừa này có thể đối với tất cả pháp tích tập, thân cận Tam bảo, lợi ích người đời, đều được nương tựa, đi trên con đường không bị lừa dối, tất cả chúng sinh đều có phần. Vì sức kiên trì đại Bi của quá khứ nên thị hiện nơi này, dùng mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân, khẩu, ý, đầy đủ ánh sáng tươi đẹp, vì mọi nơi không nghi ngờ, không lỗi lầm.

Đó là Bồ-tát tu hành dùng phương tiện thiện xảo trong Đại thừa.

M

38. Rút ra từ kinh Úc-già Trưởng Giả Sở Vấn (nói rõ một hạnh):

-Nói Bồ-tát tại gia nên tu bốn loại hạnh là nhân duyên không xuất gia.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Trưởng giả Úc-già:

-Bồ-tát tu hành tại gia, dùng bốn loại hạnh tương ứng mà được quy y nơi Như Lai.

Những gì là bốn?

1. Không bỏ tâm Bồ-đề.
2. Không phát bỏ hành trì Tam-ma thiền.
3. Không đoạn đại Từ, đại Bi.
4. Không nhiễm tạp các thừa.

Đó là bốn loại hạnh tương ứng thành tựu sự quy y nơi Như Lai

Lại có bốn loại hạnh nghiệp tương ứng để quy y Pháp. Những gì là bốn?

1. Cúng dường Pháp sư.
2. Tôn trọng việc nghe pháp.
3. Lắng nghe pháp rồi, thì dốc tìm cầu đúng đắn.
4. Nếu được nghe pháp yếu thì vì chúng sinh mà giảng nói rõ, lưu truyền hồi hướng bố thí cho chúng sinh thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác.

Lại có bốn loại hạnh tương ứng để quy y Tăng:

1. Chẳng ưa thích pháp Thanh văn, chuyên cầu Bồ-đề vô thượng.
2. Nếu có chúng sinh tu hạnh nghiệp khác thì khuyên khiến tu học Phật đạo chân chánh.
3. Không thoái chuyển nơi tâm Bồ-đề.
4. Cúng dường Tăng chúng, tìm cầu hạnh nghiệp của bậc Thanh văn mà không thủ chứng nẻo giải thoát của Thanh văn.

Nếu Bồ-tát tu hành xả bỏ tất cả tài vật rồi thì trí phát sinh tâm bố thí, suy nghĩ như vậy: “Nếu có người đói khát đến xin đồ ăn thức uống đều nên thí cho.” Giả sử bố thí

những vật cần dùng cho người, lại nghĩ như vậy: “Nhờ tất cả chỗ mong cầu mà thành tựu Bồ thí ba-la-mật.”

Bồ-tát tu hành tại gia thấu giữ giới hạnh như vậy.

Khi ấy, Phật bảo A-nan:

–Ông có thấy trưởng giả Úc-già cúng dường Đức Như Lai, tu tập pháp có thể bố thí các vật mình thích không?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy việc này.

Phật nói:

–A-nan nên biết! Trưởng giả Úc-già trong Hiền kiếp này, có tất cả một ngàn Đức Phật xuất hiện ở đời, đều đem vô lượng của cải cúng dường đầy đủ, nên đã thấu giữ Phật pháp, tuy ở tại gia mà tu hạnh Tăng sĩ hành trì Phật đạo rộng khắp.

Lúc đó, A-nan hỏi Trưởng giả Úc-già:

–Này trưởng giả! Vì ý nghĩa gì mà ở thế gian giống như oán tặc, chỗ ở nơi thế gian có thể ưa thích? Nay gặp nhân duyên xuất gia sao tâm không vui nhận?

Trưởng giả đáp:

–Con không ưa thích thế gian. Vì sao? Vì Bồ-tát tu hành luôn tương ứng với đại Bi chẳng cầu dục lạc, dù nhẫn nhục, khổ não nhưng không bỏ chúng sinh.

Phật bảo:

–A-nan nên biết! Trưởng giả Úc-già tuy là tại gia, nhưng đã từng thành tựu đầy đủ cho số lượng chúng sinh, trăm ngàn vị Bồ-tát khác không thể có được sự thành tựu đầy đủ như vậy. Vì sao? Vì trăm ngàn vị Bồ-tát kia đều không có oai lực thiện xảo như một vị trưởng giả Úc-già.

M

39. Rút ra từ kinh Thù Thắng Cự Giới (nói rõ hai hạnh):

–Bồ-tát tu hành mới phát tâm có thể thọ nhận vô lượng sự cúng dường về y phục, thực ăn uống, giường nằm, tọa cụ, phước đó vô lượng.

–Lại giải thích về thần lực của Long vương A-nậu-đạt-đa.

Bấy giờ Phật bảo các thiện nam:

–Này các thiện nam! Nên cùng ma tranh biện để tìm cầu Thánh vị. Nếu Bồ-tát tu hành khi thành tựu đầy đủ cho chúng sinh thì trước phải cùng với tà ma giao chiến, khiến tạo mọi biến hóa để tương ứng với hạnh thiện, chẳng tìm cầu thầy khác. Đó là pháp hành.

Các thiện nam nên biết! Nếu có người chê, nghi đối với hạnh Thanh văn thì các ông chớ nên chê, nghi. Nếu có người ưa thích tu hạnh Thanh văn thì các ông cũng chớ nên ưa thích.

Khi ấy, các Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là chê, nghi về hạnh Thanh văn, nhưng Bồ-tát thì không như thế? Hàng Thanh văn cầu đạt mà Bồ-tát thì không cầu?

Phật nói:

–Nếu hàng Thanh văn chê, nghi về sinh tử thì các ông không nên chê nghi. Nếu sở nguyện của hàng Thanh văn là ưa thích Niết-bàn thì các ông cũng không nên ưa thích. Đó là pháp hành.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Lúc đó, Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát tu hành đối với các chúng sinh trong khắp thế gian mỗi ngày đều trao cho họ ca-sa, y phục, ý ông thế nào, sự bố thí như vậy là bố thí hoàn toàn thanh tịnh, chẳng như Bồ-tát mới tu hành mới phát tâm và phát tâm Bồ-đề vô thượng, từ đó về sau tức thành tựu tối thượng, Bồ-tát tu hành mới có thể thọ nhận sự bố thí y phục thanh tịnh như vậy.

Nếu Bồ-tát mới tu hành mỗi ngày nhận từng phần cơm thanh tịnh của người khác tích chứa như núi Tu-di tức có thể thọ nhận thanh tịnh, chẳng bằng Bồ-tát mới tu hành phát khởi tâm Bồ-đề, từ đó về sau thành tựu tối thượng, Bồ-tát tu hành mới có thể thọ nhận thức ăn thanh tịnh như vậy.

Nếu Bồ-tát mới tu hành thọ dụng tòa ngồi cao, rộng như bốn cõi thiên hạ, cao như núi Tu-di do bảy báu tạo thành như: Kim, ngân, pha lê, trân châu, mã não, kim cương... lại chạm trổ bằng đủ loại ngọc báu, dùng Thiên y để giăng che bên trên, ở nơi tòa kia, mỗi ngày đối với các chúng sinh thọ dụng thanh tịnh, chẳng bằng Bồ-tát mới tu hành phát khởi tâm Bồ-đề vô thượng, từ đó về sau, vì các chúng sinh sẽ thành thí chủ mới có thể thọ nhận tòa cao ấy.

Xá-lợi-phất nên biết! Ví như bốn phía cung của Long vương A-nậu-đạt-đa sinh ra bốn con sông lớn:

1. Sông Hằng.
2. Sông Tư-đồ.
3. Sông Bạc-xoa.
4. Sông Tân-đô.

Chúng đều chảy vào biển cả, khiến nước biển luôn tràn đầy. Bốn con sông lớn ấy đều có quyền thuộc:

Sông lớn Hằng hà có năm trăm sông nhỏ là quyền thuộc, chảy vào biển cả ở phương Đông.

Sông lớn Tư-đồ có năm trăm sông nhỏ làm quyền thuộc, chảy vào biển cả ở phương Nam.

Sông lớn Bạc-xoa có năm trăm sông nhỏ làm quyền thuộc, chảy vào biển cả ở phương Tây.

Sông lớn Tân-đô có năm trăm sông nhỏ làm quyền thuộc, chảy vào biển cả ở phương Bắc.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Bốn sông lớn ấy tùy theo hướng mà chảy ra trước khi đổ về biển cả, đã dẫn nước đến khắp đồng rộng, có thể tạo lợi ích cho chúng sinh ở thế gian?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bốn sông lớn ấy đã tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh, nhân và phi nhân...

Như vậy, các sông lớn nhỏ chảy khắp trong thiên hạ làm thấm nhuần ruộng đất với các thứ lúa gạo, ngũ cốc, rau đậu, dầu, mè, các thứ cây nông nghiệp... đều nhờ nước của các con sông ấy dẫn vào đồng ruộng.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Bốn biển cả kia được tràn đầy ra sao?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Nhờ bốn con sông lớn đó mà biển cả tràn đầy.

Phật bảo:

–Này Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Bốn con sông lớn kia, ở trong biển cả có thể tạo lợi ích cho chúng sinh ra sao?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Trước hết là tạo lợi ích cho vô số chúng sinh ở dưới nước và đất liền như cá, ba ba, cá sấu, giải, rồng, cá ma-kiệt, măng xà, nhiều loại hình thù khác nhau ở trong biển... đến các hàng nhân, phi nhân đều được lợi ích. Còn có nhiều loại châu báu đầy khắp trong biển như trân châu, pha lê, mã não, mặt yết, xà cừ, hổ phách, mai khôi, san hô... đều đem lại lợi ích cho chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Bốn biển cả này từ đây mà có?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Do Long vương A-nậu-đạt-đa mà có.

Phật nói:

–Này Xá-lợi-phất! Long vương A-nậu-đạt-đa này chẳng gặp ba nạn.

1. Chẳng sợ Kim sí điếu ăn thịt nuốt thân.

2. Các nóng chẳng rơi trên thân.

3. Khi hành dục không biến thành rắn.

Còn các Long vương khác đều có ba nạn ấy, chỉ mỗi Long vương A-nậu-đạt-đa thì không bị ba nạn này. Cung điện của Long vương A-nậu-đạt-đa thường có những bậc thần thông thiên định tìm đến. Tất cả chúng sinh vào trong cung đó, cát nóng chẳng rơi trên thân.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cung điện của Long vương A-nậu-đạt-đa do đâu mà có được oai lực công đức kỳ diệu như thế? Vì sao các Long vương khác, ngày đêm sáu thời đều bị ách nạn, chỉ có Long vương A-nậu-đạt-đa và nơi cung điện kia là không có nạn như vậy? Lại có vô lượng thiện căn công đức là nơi phát xuất của bốn sông lớn tạo lợi ích cho vô lượng sản nghiệp của chúng sinh.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đúng như lời ông đã nói! Long vương A-nậu-đạt-đa là Đại Bồ-tát, là Bồ-tát tu hành Bồ-tát lớn lao.

Này Xá-lợi-phất! Ví như Long vương A-nậu-đạt-đa đối với ba thứ nạn kia đều được giải thoát. Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy, cũng được giải thoát khỏi ba thứ ách nạn, đó là nạn địa ngục, nạn ngạ quỷ và nạn súc sinh. Ví như từ nơi ao của Long vương A-nậu-đạt-đa xuất phát bốn con sông lớn làm thấm nhuần rộng khắp đồng ruộng. Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy, dùng bốn Nhiếp sự thâm giữ, giáo hóa các chúng sinh. Bốn Nhiếp sự đó là Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự.

Này Xá-lợi-phất! Ví như nước nơi bốn biển cả, do bốn con sông lớn xuất phát từ Long vương A-nậu-đạt-đa mà được thành tựu, Bồ-tát mới tu hành cũng lại như vậy. Do phát sinh tâm Bồ-đề nên thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ví như trong bốn biển cả vô lượng vô biên trăm ngàn ức chúng sinh tương ứng với an lạc.

Xá-lợi-phất nên biết! Chúng sinh nơi ba cõi được an lập trong pháp Phật cũng lại như vậy. Nên thấy chúng sinh nơi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, hoặc chúng sinh nơi tam thiên đại thiên thế giới thọ nhận an lạc đều nhân nơi công đức của Bồ-tát mà hiện ra.

M

40. Rút ra từ kinh Giải Thâm Mật (nói rõ một hạnh):

-Bồ-tát tu hành tu tập sáu Ba-la-mật trụ nơi hạnh địa.

Bấy giờ, Bồ-tát Quán Thế Âm bạch Phật:

-Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát tu hành ấy gồm có bao nhiêu trụ địa để tu học? Bồ-tát nên học như thế nào để có thể thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng?

Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Âm:

-Này Thiện nam nên biết! Bồ-tát tu hành học nơi trụ địa lược ra có sáu loại, đó là Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ.

Bồ-tát Quán Thế Âm bạch Phật:

-Bạch Thế Tôn! Sáu thứ trụ địa tu học như thế bao nhiêu là thuộc về Giới học, bao nhiêu là thuộc về Định học và bao nhiêu là thuộc về Tuệ học.

Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Âm:

-Này thiện nam! Nên biết, ba loại học Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, là thuộc về Giới học. Một loại Thiền định là thuộc về Tâm học tăng thượng. Còn Trí tuệ thì thuộc về Tuệ học tăng thượng. Riêng Tinh tấn thì ta nói là hiện bày khắp tất cả ba học.

Bồ-tát Quán Thế Âm bạch Phật:

-Bạch Thế Tôn! Sáu thứ trụ kia tu học như vậy, bao nhiêu là hành trang của công đức, bao nhiêu là thuộc về hành trang của trí tuệ?

Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Âm:

-Này thiện nam! Nếu nhân nơi phần thuộc về giới học, đó là thuộc về hành trang của công đức. Nếu tu học nơi phần thuộc trí tuệ thì đó là thuộc về hành trang của trí tuệ. Ta nói tinh tấn, thiền định, thì có mặt khắp tất cả, cũng nhập vào hành trang của công đức, cũng nhập vào hành trang thuộc về trí tuệ.

Bồ-tát Quán Thế Âm lại bạch Phật:

-Bạch Thế Tôn! Đối với sáu loại ấy một là, đầu tiên đối với Ba-la-mật của Bồ-tát tạng do hạnh nguyện kiên cố, tương ứng với chánh pháp vi diệu. Hai là lần lượt ở nơi mười loại pháp hạnh, tinh tấn tu tập, dùng văn, tư, tu để thành tựu diệu trí. Ba là giữ gìn tâm Bồ-đề. Bốn là thân cận cúng dường Thiện tri thức đích thực không gián đoạn, siêng năng tu tập thiện phẩm.

Bạch Thế Tôn! Vì sao sáu loại trụ địa tu học ấy cả sáu thứ nguyện nhận biết nhân của nó.

Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Âm:

-Này thiện nam! Có hai nhân duyên:

1. Tạo lợi ích cho chúng sinh.

2. Đối trị các phiền não.

Bồ-tát Quán Thế Âm nên biết! Trong sáu loại học ấy, ba loại trước: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục là tạo lợi ích cho chúng sinh. Ba loại sau: Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ là đối trị về nhân của tất cả phiền não. Trong đó Bồ-tát tu hành dùng ba loại trước là Bồ thí tức cung cấp vô số vật dùng cần thiết để nuôi dưỡng chúng sinh. Do trì giới, nên chẳng làm tổn hại, bức bách, nhiễu loạn, để khiến họ xa lìa oan gia. Do nhẫn nhục nên dù người khác đến muốn gây hại, bức bách, gây khổ não... đều có thể chịu đựng nhằm nuôi dưỡng, cứu giúp chúng sinh.

Bồ-tát Quán Thế Âm nên biết! Ba loại đã nói ở trước là nhân của sự thâm tóm, bố

thí cho chúng sinh. Ba loại sau là để đối trị phiền não. Bồ-tát tu hành do tu học tinh tấn, nên khiến phiền não bị khuynh động, tu học để có thể đối trị, nên dũng mãnh tu các phẩm thiện. Do tu học thiển định nên có thể tẩy trừ tâm phiền não. Do tu học trí tuệ nên trừ hẳn phiền não. Ba loại sau này là để đối trị nhân của phiền não.

M

41. Rút ra từ kinh Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại Phương Tiện Phương Quảng (nói rõ một hạnh):

-Phu nhân Thắng Man phát mười đại thọ nguyện tán thán Đức Như Lai, Đức Như Lai liền xuất hiện.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc và phu nhân Mạt-lợi tin pháp chưa lâu, cùng nhau nói:

-Con gái của ta là phu nhân Thắng Man, căn tánh thông minh, lanh lợi, mau tỏ ngộ, nếu được gặp Đức Phật, ắt chóng hiểu rõ về pháp, tâm không nghi ngờ. Nên kịp thời khiến tin tưởng phát đạo tâm.

Phu nhân thưa:

-Nay thật đúng lúc.

Vua và hoàng hậu đưa thư cho Thắng Man, tóm lược tán thán về công đức vô lượng của Như Lai.

Liền sai người hầu trong cung tên là Chiên-đề-la đem thư đến nước A-du-xà vào trong cung trao thư cho Thắng Man. Phu nhân Thắng Man được thư, hoan hỷ thọ nhận, đọc tụng, thọ trì, sinh tâm cho là ít có, rồi hướng đến Chiên-đề-la nói kệ:

*Ta nghe âm thanh Phật
Ở đời chưa từng có
Quả lời thư chân thật
Phải nên tu cúng dường.*

*Cúi xin Đức Thế Tôn
Xuất hiện ở thế gian
Nên rủ lòng thương xót
Nguyện cho con được thấy.*

*Lúc sinh khởi niệm này
Phật hiện nơi hư không
Phóng ánh sáng chiếu khắp
Hiện rõ thân vô thượng.
Thắng Man và quyến thuộc
Đầu mặt lễ sát chân
Đều dùng tâm thanh tịnh
Tán thán công đức Phật.
Thân Như Lai nhiệm mầu
Thế gian không ai bằng
Vô thượng không nghĩ bàn
Thế nên con kính lễ.
Sắc Như Lai vô tận*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Trí tuệ cũng như thế
Tất cả pháp thường trú
Thế nên con quy y.
Hàng phục tâm lỗi, ác
Cùng với thân bốn loại
Đến bậc khó điều phục
Thế nên lễ Pháp Vương.
Là Đấng Nhất Thiết Trí
Thân tự tại trí tuệ
Thâu giữ hết cả pháp
Thế nên con kính lễ.
Kính lễ quá xưng lường
Kính lễ khôn sánh ví
Kính lễ pháp vô biên
Kính lễ khó nghĩ bàn.
Thương xót che chở con
Khiến giống pháp tăng trưởng
Đời nay và đời sau
Nguyện Phật thường thâu nhận.*

*Ta an lập cho con
Đời trước đã khai ngộ
Nay lại thâu nhận pháp
Đời vị lai cũng vậy.*

*Con đã tạo công đức
Hiện tại và vị lai
Các gốc thiện như vậy
Cúi xin được thâu nhận.*

Khi đó, phu nhân Thắng Man nghe Phật thọ ký rồi nên cung kính đứng yên, thọ mười đại giới:

–Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, chỗ giới con đã thọ không hề có tâm hủy phạm.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, đối với các bậc tôn trưởng, con không khởi tâm kiêu mạn.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, đối với các chúng sinh con không khởi tâm sân giận.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, đối với thân sắc người khác và những vật dụng bên ngoài con không khởi tâm ganh ghét.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, đối với các pháp trong ngoài, con không khởi tâm keo kiệt.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, con không tự vì mình nhận giữ của cải. Nếu có nhận giữ đều vì thành tựu đầy đủ cho chúng sinh nghèo khổ.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, con chẳng tự vì

mình mà thực hành bốn nhiếp pháp mà tất cả chúng sinh, dùng tâm không ái nhiễm, tâm không chán đủ, tâm không ngăn ngại để thấu nhận chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, nếu thấy các chúng sinh cô độc, tối tăm bệnh tật bị trói buộc cùng vô số các thứ khổ khổ ách nạn, con trọn không hề bỏ họ, mà thấy khiến họ được an ổn, dùng nghĩa tạo lợi ích khiến họ giải thoát các khổ, sau đó mới xả.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, nếu thấy những người gây tạo nuôi dưỡng các luật nghi ác và phạm giới, con trọn không lìa bỏ. Khi con có được năng lực, đối với mọi nơi chốn, gặp các chúng sinh ấy người nên hàng phục thì hàng phục họ; người nên thấu nhận thì thấu nhận họ. Vì sao? Vì do hàng phục thấu nhận nên khiến pháp được an trụ lâu dài. Pháp được trụ lâu dài thì nơi cõi trời người thêm đông đúc, cõi ác giảm dần. Ở chỗ Như Lai đã chuyển pháp luân mà được tùy chuyển, thấy rõ lợi ấy, nên cứu giúp, thấu giữ không bỏ.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, con xin thấu nhận chánh pháp, trọn không hề quên mất. Vì sao? Vì người quên mất pháp thì quên mất Đại thừa. Người quên mất Đại thừa thì quên mất Ba-la-mật. Người quên mất Ba-la-mật thì không thích Bồ-tát Đại thừa. Người không quyết định Đại thừa thì không thể thấu giữ chánh pháp, muốn thuận theo chỗ ưa thích thì vĩnh viễn không kham nổi địa vị vượt phạm phu. Con thấy vô lượng lỗi lầm lớn như vậy, lại thấy các Đại Bồ-tát đời vị lai thấu nhận chánh pháp phát sinh vô lượng phước lợi, nên con thọ mười đại nguyện này.

Bạch Thế Tôn! Xin hiển hiện làm chứng cho con. Chỉ mỗi Đức Thế Tôn là hiện tiền chứng biết. Các chúng sinh, thiện căn vốn mỏng manh, ít ỏi hoặc vượt qua lưới nghi, dùng mười đại nguyện rất khó độ thoát. Các chúng sinh ấy như những kẻ trong đêm dài tăm tối làm những lợi ích phi nghĩa nên không được an lạc. Để tạo sự an lạc cho họ nên nay con đối trước Đức Phật, thệ nguyện nói lời thành thật. Nếu con thọ mười đại nguyện này đúng như lời nói mà hành trì thì do thệ nguyện này, xin ở trong đại chúng sẽ được mưa hoa trời và phát ra âm thanh trời vi diệu.

Khi nói ra lời này rồi, thì nơi hư không mưa các loại hoa trời, phát ra âm thanh vi diệu, nói:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Như phu nhân đã nói là chân thật, không khác.

Do thấy hoa và nghe âm thanh kia, tất cả chúng hội đều trừ dứt mọi nghi hoặc, hết mực hoan hỷ cùng phát nguyện: “Thường cùng với phu nhân Thắng Man kết hợp, hành trì.” Đức Thế Tôn đều thọ ký cho tất cả đại chúng theo như sở nguyện của họ.

Bấy giờ, phu nhân Thắng Man lại đến trước Đức Phật, phát ba đại nguyện, nói như vậy:

–Dùng nguyện chân thật này làm an ổn vô lượng, vô biên chúng sinh. Do thiện căn này, đối với tất cả đời đều được trí lãnh hội chánh pháp. Đó là đại nguyện thứ nhất.

Con được trí lãnh hội chánh pháp rồi, đem tâm không chán bỏ vì các chúng sinh giảng nói. Đó là đại nguyện thứ hai.

Con thấu nhận chánh pháp, xin xả thọ mạng, của cải để hộ trì chánh pháp. Đó là đại nguyện thứ ba.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền thọ ký về ba đại thệ nguyện của phu nhân Thắng Man. Giống như hết thảy các sắc đều nhập vào cõi “không”, hẳng sa các thệ nguyện của Bồ-tát như vậy, đều nhập vào trong ba đại nguyện này. Nguyện này là chân thật, rộng lớn.

M

42. Rút ra từ kinh Xuất Sinh Vô Biên Đà-la-ni Môn (nói rõ ba hạnh):

-Nói người hành trì Đà-la-ni nơi kinh này đến khi mạng chung có tám mươi ức chư Phật đến nghênh tiếp.

-Lại biểu thị ba thân của Như Lai.

-Lại nói Bồ-tát tu hành tu bốn hạnh môn vô tướng, mau chóng thành tựu Phật đạo.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

-Nếu các Bồ-tát tu hành vì cầu đạt đạo quả Vô thượng Bồ-đề, phải nên phát tâm rộng lớn, không còn nhiễm chấp, không lấy, không bỏ, thọ trì tụng niệm Đà-la-ni này.

Thế Tôn liền nói Đà-la-ni:

-Tả đà thể đàm, a noa ma noa, a khê ma khê, sa mạn đa mục khê, sa đê la dương, tảo dương, dục ngật đê, nê lỗ ngật đê, nê lỗ ngật đa bát tỳ, ế lê dương lê hê lê, khả lập tỳ, khả lập báng nê, khả lập bả tê, sa lê sa la hòa đê, hê la hê lê, hê lễ lê, hê la hể lễ lê, chiến đê, già hòa đê, giả lê già la noa, già la già la noa, a giả lê, án đê, án đa đê, khả la noa, a la noa, a tán đê, niết mạn nê, niết mạn đất nê, niết mục ngật đê, niết điện đê, niết đà lê, niết ha lê, niết ha la phục ma lê, niết ha la thiêu đà nê, thiêu đà nê, thi la thiêu đà nê, bát kiết đê mặt nê, bát kiết đê nê bả nê, bà hòa phục bà hòa nê, a tăng nghê, na dương, sai dương, vi bô la bát tỳ, tang cát tử noa, diệt lê, diệt diệt lê, ma ha diệt diệt lê, nê na nê, bà hòa phục bà lê nê, bà hòa nê, ma ha bà hòa nê, ngật tra nê, ma ha ngật tra nê, da xa hòa đê, giả lê, a giả lê, ma giả lê, sa ma giả lê, diệt trà tán nê, tốc tư thể đê, a tăng già tỳ ha lê, a tăng già tỳ ha lê, sa mạn đa mục khê, niết ha lê, niết ha la dục ngật đê, nê ha la phục ma lê, nê ha la thiêu đà nê, diệt trà tán nê, tốc tư thể đê, tảo dương tống ma hòa đê, tư đăng dương, tư đăng ma hòa đê, tư tham bà hòa đê, diệt trà tư thẳng dương, tư đăng ma bát tỳ đê, ma ha bát tỳ, sa mạn đa bát tỳ, tùy ma la bát tỳ, tỳ ma la thấp dương, sa mạn đa mục khê, tát bà đất la nữ hạt đê, đấu na xá đà bát la đê bà nê, đà la ni nê đà nê, đà la ni mục kháng nô tán nê, tát bà bột đà bà sắt đê, tát bà bột đà diệt sắc sỉ đê, nê đà na ngao đê lê, sa ha.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

-Nếu Bồ-tát nào tu trì Đà-la-ni này, thì không nên phân biệt pháp hữu vi, vô vi, cũng không chấp trước, không tăng giảm, không thành, không hoại, không hợp, không tán, không sinh, không diệt, cũng không nghĩ các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng không tích tập, thâu giữ các pháp, chỉ nên tư duy về chư Phật chẳng phải sắc, chẳng phải không sắc, chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng. Bồ-tát không nên cùng các hàng Nhị thừa chấp giữ sắc thân của Phật. Vì sao? Vì hàng Thanh văn, Duyên giác chấp giữ tướng trang nghiêm nơi sắc thân của Phật. Bồ-tát thì không như vậy. Vì sao? Vì thân của Như Lai là tướng vô sinh, vì khắp chúng sinh, đối với tất cả pháp, do không soi chiếu về tư lương của tập trí, hiện rõ Pháp thân là tướng hư không, tướng vô sinh. Pháp thân của Như Lai dùng tướng vô sinh làm sắc uẩn, lại do ý nghĩa thâm diệu của tướng vô sinh, là thể của các pháp. Nhưng các Bồ-tát chẳng nên ở nơi phi sắc mà chấp tướng của Như Lai. Nếu do nơi phi sắc chấp giữ tướng của Như Lai thì đồng với Thanh văn, tức cho Đức Phật vào Niết-bàn tịch diệt thì sắc thân đoạn mất, không còn sinh nữa. Bồ-tát thì chẳng như vậy. Vì sao? Vì thân của Đức Như Lai là tướng vô tận, vì khắp chúng sinh nơi tất cả pháp, do chẳng soi sáng mà hiện rõ sắc thân, dùng pháp tạo tướng tích lập tư lương phước đức. Do sắc thân của Như Lai là tướng vô tận. Đó là sắc uẩn vô tận, thế

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

nên, tướng của các pháp cũng là vô tận. Nếu độ thoát chết chưa hết cảnh giới của chúng sinh thì Như Lai luôn hiện ra sắc thân vô tận.

Này Xá-lợi-phất! Đối với phần Đà-la-ni trong kinh này thường sinh ra vô lượng diện môn. Bồ-tát tu hành nếu được nghe kinh này thì đối với đạo quả Vô thượng Bồ-đề đều không thoái chuyển. Vì sao? Vì trong ấy đã hiển thị tất cả thần thông Thánh đức của Như Lai. Lại nhân nơi kinh này mà tăng thêm lợi ích từng phần giới hạnh cho chúng sinh, giữ gìn pháp vô sở đắc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ tụng:

*Các ông chớ đắm trước
Hết thấy các pháp không
Nơi chư Phật Bồ-đề
Cũng không khởi phân biệt.
Đối Bồ-đề Niết-bàn
Cũng không sinh nghi hoặc
Nếu hay tu hạnh này
Mau được Đà-la-ni.
Nghe trong Khế kinh ấy
Tập trí, không vô tướng
Không sinh cũng không diệt
Nên mau chứng Bồ-đề.
Bồ-tát trì kinh này
Hiểu rõ vô lượng pháp
Được sinh cõi chư Phật
Thân cận bậc Tối thắng.
Nếu được Đà-la-ni
Quyết định nghĩa sâu xa
Tâm không sinh sợ hãi
Thọ trì pháp vô tận.
Tất cả mười phương Phật
Nói pháp đều nghe hết
Nghe rồi nên thọ trì
Cung kính mà phụng hành.
Nếu thọ trì kinh này
Đối văn tự, danh cú
Nghĩa vi diệu đã nêu
Trọn không còn nghi ngờ.
Như ánh sáng nhật nguyệt
Soi chiếu khắp mọi nơi
Biết rõ pháp môn này
Thông đạt vô lượng nghĩa.
Nên trì tụng kinh này
Liên tục mình hiểu biết
Tất cả pháp tối thắng
Diệu môn Đà-la-ni.
Giả sử trong một kiếp*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Hết thấy các chúng sinh
Những nghi hoặc hiện có
Đều hỏi người trì kinh.
Khi Bồ-tát trì kinh
Đều vì họ giảng giải
Đã đoạn trừ lưới nghi
Trí Bồ-tát vô tận.
Nên ưa thích kinh này
Mau thân cận Bồ-đề
Đó là chân Phật tử
Hộ trì tạng bí mật.
Trì Đà-la-ni này
Chúng sinh đều cung kính
Chư Phật cùng ngợi khen
Danh vang khắp mười phương.
Vì do trì kinh này
Đến lúc sắp mạng chung
Thấy tám mươi ức Phật
Đều đưa tay dắt dẫn.
Cùng phát lời như vậy:
Ông sinh qua cõi ta
Do tụng trì kinh này
Hiện được phước như vậy.
Nếu trăm ngàn ức kiếp
Tạo tội, phải nên biết
Tụng Đà-la-ni này
Một tháng được thanh tịnh.
Bồ-tát trong ức kiếp
Siêng học các công đức
Tụng kinh này một tháng
Phước đó hơn người kia.
Khéo nghĩ, tuệ tinh tấn
Tam-muội Đà-la-ni
Vì kinh thường hiện tiền
Cho đến Như Lai địa.
Các chúng sinh ba cõi
Một thời đều là ma
Lo tụng trì kinh này
Đều không còn chướng ngại.
Trong kinh này giải thích
Tất cả các pháp môn
Mà nói Nhất thiết trí
Nhân đầy thành Chánh giác.
Ta nhân nghe kinh này
Nhiên Đăng thọ ký ta

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Rằng ông sẽ thành Phật
Giải thoát các chúng sinh.
Lúc đó, thấy chư Phật
Số nhiều như hằng sa
Nghe như Phật thuyết pháp
Đều có thể hiểu rõ.
Nếu muốn được thọ trì
Pháp chư Phật đã nói
Siêng tu học kinh này
Mau thành lực như vậy.
Cõi trang nghiêm thù thắng
Đại hội các thánh chúng
Tương ánh sáng diệu tộc
Đều từ kinh này được.
Nếu người qua bảy ngày
Suy nghĩ kinh này kỹ
Tám mươi ức chư Phật
Đều nói pháp như thế.
Nghĩ tà, đừng nên nghĩ
Không nên nghĩ, chớ nghĩ
Dùng trí nghĩ chân chánh
Mau được kinh điển này.
Siêng năng tu pháp môn
Chớ sợ xa Bồ-đề
Như người đến “chốn báu”
Tùy ý nhặt châu ngọc.
Nếu trì Đà-la-ni
Đừng nói không báo lành
Trời người đầy đủ vui
Gần Phật đạo chẳng khó.
Nếu nguyện mau thành Phật
Nên trì kinh điển này
Rốt ráo ắt sẽ được
Đại Bồ-đề vô thượng.*

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp nhất định sẽ được Đà-la-ni này. Những gì là bốn?

1. Không thích ái dục.
2. Không sinh ganh ghét.
3. Đối với các chúng sinh hay xả tất cả, không có giận dữ.
4. Ngày đêm vui vẻ, hết lòng ưa thích cầu pháp.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy thì được Đà-la-ni ấy.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì đạt được Đà-la-ni này. Những gì là bốn?

1. Trụ hạnh A-lan-nhã, vắng lặng.
2. Ngộ nhập vào pháp nhãn sâu xa.

3. Không thích danh tiếng lợi dưỡng.
4. Có thể xả bỏ các vật yêu thích, cả đến thân mạng.

Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy thì đạt được Đà-la-ni ấy.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì đạt được Đà-la-ni ấy. Những gì là bốn pháp? Đó là nhập vào nghĩa của tám chữ. Tám chữ là gì?

1. Chữ Bả: Nghĩa thứ nhất này là nhập vào nghĩa vô ngã của tất cả các pháp.
2. Chữ La: Là nhập vào Pháp thân vô sinh của Đức Như Lai. Do không soi chiếu về hành trang của Tập trí là tướng không chốn nhập, nên dùng tướng vô sinh làm sắc thân, dùng tướng vô tận làm nghĩa nhập của sắc uẩn.
3. Chữ Ma: Là nhập vào nghĩa pháp pháp trí tuệ, ngu si tạo nên cùng loại.
4. Chữ Khả: Là nhập vào nghĩa phân biệt nghiệp báo, cũng không nghiệp báo.
5. Chữ Xà: Là nhập vào nghĩa tử ngộ về sinh, già, bệnh, chết, chẳng sinh chẳng diệt.
6. Chữ Đà: Là nhập vào nghĩa thông tỏ, giác ngộ thể của pháp Đà-la-ni là Không, Vô tướng, Vô nguyện, vắng lặng như Niết-bàn.
7. Chữ Xả: Theo pháp Xa-ma-tha, trụ vào tướng tịch định. Nơi Tỳ-bát-xá-na thấy đúng tướng của các pháp.

Như thế nào để được trụ vào tịch định? Là phải ngày đêm siêng năng, tinh tấn không gián đoạn quán hình tượng của Đức Phật, không nên chấp tướng, nên nghĩ nơi Tỳ-bát-xá-na, do trí tuệ nên thấy chân chánh.

Nếu hành giả thấy Đức Phật hiện ra, bèn cho là Phật thật, nên nghĩ như vậy: “Đức Phật này đã từ phương nào đến? Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương phụ, trên, dưới?”

Nếu cho Đức Phật ấy là do người tạo ra thì nên nghĩ như vậy: “Đức Phật này, đó là đất, cây, làm ra chẳng? Hay là vàng, bạc, đồng, thiếc làm ra?”

Quán như vậy rồi, Phật được biết thấy chỉ là do ta ở trong tinh xá. Quán hình tượng Đức Phật, ngày đêm nhớ nghĩ, thế nên hình Phật thường hiện ra trước mắt. Do thế, nên biết, ta thường thấy nghe tất cả các pháp, bèn cho là thật, đều tự nơi tâm mình nhớ nghĩ mà khởi lên. Tức là Bồ-tát tu hành, thứ nhất là luôn tu tập định không trụ, cho đến địa Hoan hỷ.

Vì sao quán hình tượng Đức Phật, cùng trụ vào môn Thắng nghĩa đế? Nên nghĩ như vậy: “Ta nay đã thấy hình tượng của Phật, không phải là tướng của chủng loại nơi Phật hiện có. Đây chỉ là ta hiện đang quán sát nhân duyên của hình tượng, nên thấy hình tượng Phật, được vào trong định nhận biết tất cả các pháp cũng lại như vậy.”

Vì ý nghĩa đó nên thấy hình tượng Phật, không phải là hoàn toàn không thấy. Nên biết chữ Xả cùng với tất cả các pháp là không sai khác, đều cùng nhập vào nghĩa của pháp môn.

Tám là chữ Xoa là nhập vào nghĩa các pháp đều không, chẳng sinh chẳng diệt. Vì sao? Vì hiểu rõ các pháp xưa nay là vắng lặng, tự tánh là Niết-bàn.

Nghĩa của tám chữ ấy nên thọ trì như vậy, tùy theo nơi chốn nào có kinh này thì phải nên tôn trọng, cung kính, cúng dường, cứ mỗi nửa tháng thì đọc tụng diễn nói. Nếu thấy người đọc tụng kinh điển này thì nên tán dương, khuyên họ tinh tấn.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có Bồ-tát tu hành, tu tập bốn pháp ấy thì đạt được Đà-la-ni.

